

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1. Phạm vi của gói thầu

Tên gói thầu: Sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên, học sinh

Tên dự án: Sửa chữa Trường THPT Tân Châu

Địa điểm thực hiện dự án: Trường THPT Tân Châu

Giá gói thầu: 436.422.598 đồng

Thời gian thực hiện: 30 ngày.

2. Quy mô đầu tư xây dựng

2.1. Hạng mục: Xây lắp – Sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên, học sinh (trệt, lầu 1, lầu 2)

* Thay trần tole lạnh xuống cấp:

- Tháo dỡ toàn bộ trần tole lạnh hiện trạng.
- Thay mới bằng trần tole sóng nhỏ 1.07m sơn tĩnh điện, màu trắng.
- Đà trần sắt hộp 40x80x1.2 (mạ kẽm),
- Găng trần sắt hộp 40x40x1.2 (mạ kẽm)
- Đắp chỉ xi măng 25x70.

* Sàn vệ sinh:

- Đục bỏ toàn bộ sàn vệ sinh đến đan sàn BTCT hiện trạng.
- Làm sạch bề mặt đan sàn BTCT hiện trạng, quét chống thấm 3 lớp
- BT đá 1x2 M200, dày 150
- Láng vữa xi măng M75, tạo dốc 2%
- Lát gạch men 300x300, chống trơn.

* Nền vệ sinh:

- Đục bỏ toàn bộ gạch lát nền vệ sinh hiện trạng, lát lại nền vệ sinh bằng gạch 300x300, chống trơn.

- Láng vữa xi măng M75, tạo dốc 2%
- Gia cố lại nền tại vị trí có phễu thu nước.

* Tường:

- Tháo dỡ toàn bộ gạch ốp tường hiện trạng, gạch 200x250, cao 200.
- Ốp lại bằng gạch 300x600, cao 3300 (ốp đến trần).

* Cửa:

- Tháo dỡ toàn bộ cửa 700x2000 hiện trạng, thay mới bằng cửa nhôm hệ 700
- Tháo dỡ vách ngăn 600x700 hiện trạng
- Thay mới bằng vách ngăn tấm compact 450x950 dày 12mm.

2.2. *Hạng mục: Hệ thống điện*

2.3. *Hạng mục: Hệ thống nước*

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:

Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng: 30 ngày.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

1. Quy trình, quy phạm và các quy chuẩn, TCVN áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- TCVN 4252:2012: Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5640:1991: Bàn giao công trình xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 4055:2012: Công trình xây dựng - Tổ chức thi công;
- TCVN 4087:2012: Sử dụng máy xây dựng - Yêu cầu chung;
- TCVN 5308:1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;
- QCVN 18:2021/BXD: An toàn trong thi công xây dựng;
- TCVN 4516:1988: Hoàn thiện mặt bằng xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9377-1:2012: Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 7570 : 2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 9404:2012: Sơn xây dựng – Phân loại;
- TCVN 8652:2020: Sơn tường dạng nhũ tương - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8653:2012: Sơn tường dạng nhũ tương - Phương pháp thử;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác có liên quan theo quy định hiện hành;
- Tuân thủ đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Trong trường hợp Nhà thầu xét thấy có tiêu chuẩn nêu trên nào đã bị Bộ xây dựng huỷ bỏ hoặc có sự khác biệt hay mâu thuẫn giữa các quy định trình bày dưới đây và các quy định trong tiêu chuẩn xây dựng nêu trên thì Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư xem xét và chỉ dẫn thực hiện

2. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị

- Trong E-HSDT của mình, nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ và mã hiệu (nếu có) của các vật tư, vật liệu thiết bị chủ yếu sử dụng cho công trình nêu tại Bảng số 01 (không được ghi “hoặc tương đương”);

- Trường hợp trong bảng kê khai vật tư, vật liệu dùng cho công trình, nhà thầu kê khai nhiều loại vật tư, vật liệu thì Chủ đầu tư có quyền chọn một trong những loại vật tư, vật liệu đã được nhà thầu kê khai, và nhà thầu phải chấp nhận ý kiến của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải có cam kết về nguồn gốc vật tư trước khi đưa vào sử dụng phải cung cấp đầy đủ chứng từ hợp chuẩn, hợp quy (nếu có).

- Nhà thầu phải sử dụng các loại vật tư đúng theo bảng sau:

Bảng số 01

STT	Tên vật tư	Nhà sản xuất	Yêu cầu kỹ thuật
01	Sơn, bột bả, dung dịch chống thấm	Dulux, Nippon, Kova hoặc tương đương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
02	Cát mịn ML=1,5-2,0	Tại địa phương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
03	Cát vàng ML >2,0	Tại địa phương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
04	Đá xây dựng (1x2, đá trắng)	Tại địa phương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
05	Gạch xây dựng, gạch lát	Prime, Viglacera hoặc tương đương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
06	Thép các loại (Thép hình, hộp, thép tròn)	Miền Nam, Hòa Phát hoặc tương đương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
07	Xi măng (PCB 40, XM trắng)	Nghi Sơn, Hà Tiên hoặc tương đương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
08	Tole lạnh	Nhà thầu đề xuất	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
09	Dung dịch chống thấm	Sika hoặc tương đương	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
10	Tấm compact HPL	Nhà thầu đề xuất	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
11	Dây điện	Nhà thầu đề xuất	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành

STT	Tên vật tư	Nhà sản xuất	Yêu cầu kỹ thuật
12	Đèn các loại	Nhà thầu đề xuất	Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 19:2019/BKHCN
13	Ống nước các loại, các loại vật tư đi cùng	Nhà thầu đề xuất	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành
14	Thiết bị vệ sinh (chậu xí bệt, lavabo, chậu tiểu nam,...)	Nhà thầu đề xuất	Đáp ứng tiêu chuẩn – quy chuẩn hiện hành

3. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát

3.1. Tổ chức công trường

- Bố trí mặt bằng tổ chức thi công. Trên mặt bằng phải thể hiện rõ ràng các nội dung tổ chức thi công, bố trí mặt bằng tổ chức thi công công trình: lán trại, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.

- Nhà thầu lập biện pháp tổ chức thi công mô tả chi tiết thực hiện việc xây dựng, bao gồm nhưng không giới hạn các phần sau:

- + Công tác chuẩn bị và tổ chức mặt bằng thi công;
- + Tiếp nhận mặt bằng công trình;
- + Vị trí lán trại tạm và các mặt bằng phục vụ cho quá trình thi công.
- + Tổ chức công trường;
- + Biển báo thi công.
- + Cấp điện, cấp nước thi công.
- + Các vấn đề khác có liên quan

3.2. Bộ máy quản lý, chỉ huy công trường

- Nhà thầu vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chung từ công ty đến công trường.
- Thuyết minh chỉ dẫn sơ đồ bộ máy.
- Nêu những nét cơ bản về quyền hạn, trách nhiệm của các bộ phận chủ chốt của công ty đối với công trường.
- Mô tả quan hệ chính giữa Trụ sở chính với bộ máy chỉ huy công trường.
- Nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn sẽ được giao cho một số cán bộ chủ chốt tại hiện trường; Chỉ huy công trường; Phụ trách kỹ thuật thi công tại hiện trường; Phụ trách hệ thống quản lý chất lượng tại hiện trường; Đội trưởng, tổ trưởng;....

3.3. Giải pháp kỹ thuật thi công

Giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết cho các công việc gói thầu

- Công tác chuẩn bị khởi công;
- Công tác thi công;

- Công tác vận chuyển phế thải, thu dọn vệ sinh công trường.

2.4. Vệ sinh môi trường

- Giữ gìn vệ sinh và an toàn lao động: Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu phế thải, đất đá ... phải có thùng xe được che chắn kín và giăng buộc vững, để tránh rơi đổ vật được vận chuyển xuống đường.

- Chống bụi: Khi thi công những công trình gần đường giao thông hoặc khu dân cư phải được che, chắn để chống bụi hoặc rơi vật liệu xuống đường, hoặc nhà.

- Chống ồn rung động quá mức: Khi sử dụng các biện pháp thi công cơ giới phải lựa chọn giải pháp thi công thích hợp với đặc điểm, tình hình, vị trí của công trường.

- Đối với công trường, xung quanh có nhiều nhà dân và hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng, phải ưu tiên chọn giải pháp thi công nào gây ra tiếng ồn và rung động nhỏ nhất.

* Kết thúc công trình cần tiến hành thu dọn mặt bằng, chuyển hết phế liệu, vật liệu thừa, dỡ công trình tạm.

2.5. An toàn lao động

- Nhà thầu phải có các biện pháp và phương tiện hữu hiệu đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình trong suốt quá trình thi công

2.6. Phòng cháy chữa cháy

- Nhà thầu phải xây dựng phương án về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công trong và ngoài công trường.

2.7. Đảm bảo giao thông

- Nhà thầu phải có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác.

4. Biện pháp đảm bảo chất lượng và bảo hành công trình

4.1. Biện pháp đảm bảo chất lượng

- Nhà thầu phải trình bày hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của mình bao gồm các nội dung chính:

+ Biện pháp quản lý chất lượng vật tư.

+ Biện pháp quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công.

+ Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão.

4.2. Bảo hành công trình

- Thời gian bảo hành công trình theo quy định cụ thể nêu tại Mục 3 – Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật.

- Nêu biện pháp bảo hành công trình đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

IV. Các bản vẽ

Bản vẽ là bản Scan đính kèm trong E-HSMT.